

XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ MỤC ĐO LƯỜNG MỨC ĐỘ CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

PGS.TS. Phạm Đức Cường* - Ths. Đỗ Thị Minh Tâm**

Hệ thống chỉ mục đo lường mức độ Công bố thông tin đóng vai trò quan trọng giúp đảm bảo tính minh bạch và đáng tin cậy của thông tin tài chính, cung cấp cho các bên liên quan cái nhìn tổng quát và chính xác về tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động của HTX. Bài viết này tập trung vào việc xây dựng hệ thống chỉ mục công bố thông tin trên Báo cáo tài chính của các HTX nông nghiệp.

• Từ khóa: mức độ công bố thông tin; chỉ mục đo lường; hợp tác xã; hợp tác xã nông nghiệp.

The index system for measuring the level of information disclosure plays a crucial role in ensuring the transparency and reliability of financial information, providing stakeholders with a comprehensive and accurate view of the financial position and operational performance of agricultural cooperatives. This article focuses on developing an information disclosure index system specifically for the financial statements of agricultural cooperatives.

• Key words: disclosure level; measurement index; cooperative; agricultural cooperative.

Ngày gửi bài: 10/11/2024

Ngày gửi phản biện: 30/11/2024

Ngày nhận và sửa sau phản biện: 10/12/2024

Ngày chấp nhận đăng: 02/01/2025

1. Tổng quan tài liệu

1.1. Các khái niệm chung

Theo Luật HTX năm 2012, HTX là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ. HTX đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Với mục tiêu phát triển kinh tế nông nghiệp, HTX NN chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu hệ thống HTX của Việt Nam. Để hiểu rõ hơn về sự đa dạng và tính linh hoạt của HTX, ta cần phân tích các loại HTX dựa trên các yếu tố như chức năng hoạt động, quy mô và tính chất trình độ xã hội hóa.

BCTC là một công cụ cung cấp thông tin chi tiết và tổng quan về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của một tổ chức trong một giai đoạn cụ thể. Tuy nhiên, BCTC không chỉ là một tài liệu thông tin dành cho các bên liên quan bên ngoài, mà còn là một công cụ quản lý quan trọng cho bản thân tổ chức. Thông qua việc phân tích BCTC, các nhà quản lý có thể đánh giá và điều chỉnh chiến lược kinh doanh của mình. Thông tin trong BCTC giúp họ hiểu rõ về tình hình TC, nợ, vốn chủ sở hữu, kết quả kinh doanh của tổ chức. Từ những thông tin trên, họ có thể xác định được các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức, từ đó đưa ra các quyết định chiến lược hợp lý.

Đối với các HTX, quy định về BCTC được hướng dẫn trong Thông tư số 24/2017/TT-BTC ngày 28/3/2017 của Bộ TC. Thông tư trên áp dụng cho tất cả các HTX hoạt động trong mọi lĩnh vực và ngành nghề sản xuất, kinh doanh. Trong trường hợp các HTX có quy mô lớn và giao dịch phức tạp, mà Thông tư 24/2017/TT-BTC không điều chỉnh, họ có thể lựa chọn áp dụng chế độ kế toán của DN nhỏ và vừa, được hướng dẫn trong Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính và các văn bản liên quan. Quyết định trên phải được thực hiện nhất quán trong năm tài chính và thông báo cho cơ quan thuế quản lý HTX. Trong quá trình hoạt động, HTX có nghĩa vụ thực hiện việc BCTC định kỳ và thực hiện các nghĩa vụ tài chính của mình. Mẫu BCTC cho HTX được thiết kế để báo cáo về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và cân đối tài khoản của HTX.

1.2. Tổng quan về công bố thông tin và đo lường mức độ CBTT

Gibbins, Richardson và Waterhouse (1990) đã định nghĩa công khai tài chính là bất kỳ thông tin TC (và phi TC) nào có chủ ý, dù là số hay định tính, bắt buộc hay tự nguyện, hoặc thông qua các kênh chính thức hoặc không

* Viện Kế toán và Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

** Trường Đại học Tây Bắc (Tác giả liên hệ)

chính thức. Có nhiều phương tiện khác nhau để các công ty CBTT như báo cáo thường niên, hội nghị, bài thuyết trình của nhà phân tích, v.v... Nhu cầu CBTT của DN xuất phát từ vấn đề bất cân xứng thông tin và xung đột giữa cơ quan quản lý và các nhà đầu tư bên ngoài (Healy và Palepu, 2001). CBTT không chỉ là cách để DN thông báo về tình hình của mình mà còn là cơ sở để các bên liên quan đánh giá và đưa ra các quyết định.

CBTT thường được xem như một biến số tiềm ẩn, tức là không thể quan sát và đo lường trực tiếp được. Do đó, chúng ta phải gián tiếp quan sát nó thông qua các giá trị của các biến quan sát. Về mặt trên, các biện pháp công bố có thể được phân loại lại thành hai cách tiếp cận: cách tiếp cận thứ nhất cố gắng đo lường sự công bố bằng cách giảm nó xuống các đặc điểm có thể quan sát được để có thể đo lường nó. Cách tiếp cận thứ hai cố gắng đo lường sự CBTT bằng cách xác định một số biến quan sát được giả định là có mối quan hệ nào đó với việc CBTT.

Theo Beattie và cộng sự (2004) có thể kể đến hai cách tiếp cận khác nhau cho phép đo lường việc công bố là loại chủ quan và khách quan. Trong đó, phương pháp chủ quan bao gồm những phương pháp sử dụng trực tiếp mà không cần căn cứ vào nguồn của thông tin nghiên cứu (Imhoff, 1992). Còn phương pháp khách quan lại tiếp cận mức độ và chất lượng CBTT theo hướng là dựa vào nguồn thông tin gốc một cách trực tiếp để đạt được thông tin cần thiết (Krippendorff, 1980). Trong phương pháp khách quan có phương pháp sử dụng chỉ số công bố thông tin cụ thể như sau:

Chỉ số công bố thông tin là danh sách bao quát các mục được chọn, có thể được công bố trong báo cáo của doanh nghiệp (Marston và Shrivies, 1991: 195). Chỉ số CBTT có thể bao gồm các mục thông tin bắt buộc và mục thông tin tự nguyện bao gồm thông tin được báo cáo trong một hoặc nhiều phương tiện CBTT như báo cáo thường niên của doanh nghiệp, báo cáo giữa niên độ.

Để lượng hóa chính xác mức độ CBTT trong báo cáo tài chính, các nghiên cứu đã tiến hành qua hai bước cơ bản: Bước đầu tiên là lựa chọn nguồn thông tin được đề cập để trích xuất và phân tích nội dung thông tin cho mục đích nghiên cứu. Bước hai là xác định những yếu tố nào sẽ được phân tích và quan tâm. Sau đó, một danh sách kiểm tra được lựa chọn - có thể hiểu là một thang đo chuẩn bao gồm một số chỉ mục cần được xem xét. Sau khi đã chọn các chỉ mục cần thiết, chúng sẽ được đo lường và định lượng sự hiện diện thông qua việc gán điểm. Sau đó, có thể áp dụng tính trọng số hoặc không áp dụng trọng số cho các chỉ mục công bố dựa trên tầm quan trọng của chúng đối với các khía cạnh nhất định.

Đo lường không trọng số lần đầu tiên được Ceft AT (1961) vận dụng sau đó được công thức hóa bởi Cooke (1989) bằng công thức tính như sau:

$$Index I_j = \frac{\sum_{i=1}^{m_j} d_{ij}}{\sum_{i=1}^{n_j} d_{ij}}$$

Trong đó:

I_j : Chỉ số CBTT của công ty j, $0 \leq I_j \leq 1$

$d = 1$ nếu mục thông tin i được công bố; $= 0$ nếu mục thông tin i không được công bố

m: số lượng mục thông tin được công bố

n: số lượng tối đa mục thông tin có thể được công bố

Do đó, theo tiêu chuẩn đã thiết lập, các mục thông tin trong Báo cáo TC sẽ được gán giá trị 1 nếu được công bố, 0 nếu có giao dịch xảy ra nhưng không được công bố, không được gán giá trị nếu không có giao dịch tương ứng tại DN. Theo cách trên, các chỉ mục thông tin được theo dõi để xem liệu chúng có được công bố hay không, mỗi chỉ mục được coi là có vai trò bằng nhau trong quá trình đánh giá.

Đo lường có trọng số

Cách tiếp cận trên đòi hỏi việc lựa chọn các mục thông tin đồng thời với việc đánh giá mức độ quan trọng của từng mục là thấp hay cao. Từ đó, một hệ thống trọng số được xây dựng để phản ánh mức độ quan trọng của mỗi thông tin, song song với hệ thống chỉ mục thông tin được lựa chọn theo tiêu chuẩn. Quá trình đo lường được thực hiện như cách một, nhưng sau đó các giá trị được nhân với các trọng số tương ứng. Singhvi và Desai (1971) đã áp dụng phương pháp trên.

Lịch sử nghiên cứu của vấn đề cho thấy việc xây dựng chỉ mục CBTT của những nghiên cứu khác nhau là khác nhau, dựa trên những nguyên tắc khác nhau và mục đích hướng đến của tác giả để xây dựng chỉ mục CBTT. Tuy nhiên, những chỉ mục CBTT vẫn phụ thuộc vào quy định của pháp luật của từng quốc gia, bản chất, bối cảnh hoạt động của đối tượng nghiên cứu, đồng thời phải đo lường sự CBTT bằng cách xác định một số biến quan sát được giả định có mối quan hệ nào đó với sự CBTT.

2. Phương pháp nghiên cứu

Với mục tiêu xây dựng hệ thống chỉ mục công bố thông tin trên BCTC của các HTX nông nghiệp, bài viết đã áp dụng phương pháp tổng quan hệ thống kết hợp với phương pháp nghiên cứu định tính được thông qua các cuộc phỏng vấn với các chuyên gia về lĩnh vực kế toán, tài chính. Cung cấp hiểu biết rộng về công bố thông tin, mức độ công bố thông tin trên BCTC, thiết kế hệ thống chỉ mục công bố thông tin. Cụ thể, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn chuyên sâu các chuyên gia trong lĩnh vực kế toán HTX và kiểm toán để xác định những chỉ số cần thiết trong hệ thống Công bố thông tin của HTX.

2.1. Quy trình nghiên cứu

Tác giả bắt đầu bằng cách tiến hành tìm kiếm thủ công và lọc các bài viết liên quan đến mức độ công bố thông tin và phương pháp đo lường mức độ công bố thông tin. Thông qua quá trình kiểm tra thủ công các từ khóa, tiêu đề bài viết và tóm tắt để xác định các bài viết có liên quan, tác giả đã thu được danh sách các bài viết có liên quan. Sau khi tổng quan được các nghiên cứu trước đây, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu, thảo luận với 12 chuyên gia xác định nguồn dữ liệu chính cho việc xác định các chỉ mục công bố thông tin trên BCTC. Nội dung các câu hỏi phỏng vấn được xây dựng chi tiết trên cơ sở mục tiêu xác định nguồn dữ liệu và phương pháp đo lường mức độ công bố thông tin áp dụng phù hợp với các HTXNN.

2.2. Đối tượng phỏng vấn

Từ các tiêu chí được đề cập, tác giả lựa chọn các đối tượng để tham gia thảo luận tập trung bao gồm: Giảng viên chuyên ngành kế toán; Đại diện liên minh HTX, giám sát kế toán, kiểm toán; Kế toán viên; Kế toán trưởng; Nhà quản trị; Đại diện BKS ở HTX Nông nghiệp. Mỗi cuộc phỏng vấn và thảo luận kéo dài từ 20-30 phút, được thực hiện tại nhà riêng hoặc phòng làm việc nhưng vẫn đảm bảo tính riêng tư và sự tập trung của cuộc phỏng vấn sau khi đã được thông báo sơ lược về nội dung phỏng vấn, hẹn thời gian và địa điểm. Nội dung cuộc phỏng vấn được ghi chép lại đầy đủ, cẩn thận.

3. Kết quả thảo luận

* *Lựa chọn phương pháp đo lường mức độ công bố thông tin trên BCTC của các HTXNN*

Trong việc đo lường mức độ công bố thông tin trên BCTC của các HTX nông nghiệp các chuyên gia và nhà kinh tế lựa chọn đo lường không có trọng số vì loại bỏ được tính chủ quan trong cảm nhận của người sử dụng thông tin công bố. Điều này xuất phát từ đặc thù của HTX nông nghiệp, bao gồm tính chất nhỏ lẻ, khả năng quản lý tài chính hạn chế và sự đa dạng về cơ cấu tài chính giữa các HTX. HTX thường có cấu trúc tài chính và quy trình BCTC đơn giản, đặc biệt ở vùng nông thôn, thường có hạn chế về nguồn nhân lực và tài chính. Phương pháp chỉ số không trọng số, với cơ chế chấm điểm dễ hiểu, phù hợp với quy mô và khả năng nguồn lực của HTX, giúp tiết kiệm và thời gian đặc biệt là các HTXNN.

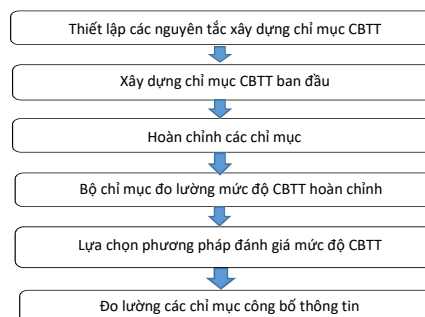
Phương pháp này dễ dàng tạo ra các phép so sánh giữa các HTX dựa trên tỷ lệ thông tin được công bố. Việc áp dụng phương pháp này trong nhiều kỳ kế toán khác nhau giúp đánh giá tiến trình cải thiện về công bố thông tin của HTX theo thời gian, từ đó giúp quản lý và giám sát sự phát triển của tổ chức. Phần lớn các tiêu chí công bố thông tin trong HTX được quy định rõ ràng bởi các chuẩn mực kế toán. Mặc dù phương pháp không trọng số không phân biệt tầm quan trọng của từng tiêu chí, nhưng nó cho phép các nhà nghiên cứu

hoặc cơ quan quản lý điều chỉnh bộ tiêu chí tùy theo nhu cầu cụ thể.

Các bước ứng dụng phương pháp Chỉ số công bố thông tin không trọng số

Qua kết quả thảo luận của chuyên gia trong việc đo lường mức độ công bố thông tin trên BCTC của các HTXNN áp dụng phương pháp Chỉ mục công bố thông tin quy trình đo lường được thực hiện theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1: Quy trình đánh giá mức độ CBTT trên BCTC



Bước 1: Thiết lập các nguyên tắc xây dựng chỉ mục CBTT

Để đảm bảo tính hiệu quả, công bằng và có khả năng phản ánh đúng thực trạng tài chính của HTX, việc xây dựng chỉ mục công bố thông tin cần tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau:

Chỉ mục công bố thông tin cần phản ánh đầy đủ các khía cạnh tài chính quan trọng của HTX, đảm bảo rằng tất cả các thông tin cần thiết đều được đưa vào, từ tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, đến các thuyết minh về các giao dịch có liên quan

Chỉ mục công bố thông tin phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và chuẩn mực kế toán quốc tế mà HTX áp dụng. Thông tin công bố phải rõ ràng, dễ hiểu và có cấu trúc mạch lạc. Người đọc cần dễ dàng tiếp cận và hiểu được các thông tin tài chính được công bố. Các chỉ mục công bố thông tin cần được duy trì một cách nhất quán qua các kỳ kế toán, cho phép so sánh kết quả tài chính qua các năm và phân tích xu hướng tài chính của HTX. Giúp đảm bảo rằng các thông tin tài chính từ HTX có thể được so sánh với nhau hoặc với các HTX khác một cách chính xác.

Bước 2: Xây dựng chỉ mục CBTT ban đầu và công bố bộ chỉ mục đo lường mức độ CBTT hoàn chỉnh

Để đảm bảo các nguyên tắc nêu trên, các chuyên gia lựa chọn cơ sở xây dựng chỉ mục căn cứ theo quy định của Pháp luật Việt Nam, BCTC của các HTX được quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BTC ngày 28/3/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán HTX, liên hiệp HTX. Hệ thống chỉ mục được xây dựng dựa trên hệ thống Báo cáo tài chính của Hợp tác xã gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh,

thuyết minh Báo cáo tài chính. Mỗi một thông tin trình bày trên hệ thống báo cáo tài chính tương ứng với 1 chỉ mục. Như vậy, có tương ứng 75 chỉ mục được phân ra thành nhiều nhóm thông tin như sau:

- (1) CBTT 1: Thông tin về doanh nghiệp - 3 chỉ mục;
- (2) CBTT2: Thông tin về tình hình tài chính - 5 chỉ mục;
- (3) CBTT3: Thông tin về đầu tư - 11 chỉ mục;
- (4) CBTT4: Thông tin về vốn/tài sản - 11 chỉ mục;
- (5) CBTT5: Thông tin về nợ/vay - 18 chỉ mục;
- (6) CBTT6: Thông tin về doanh thu - 12 chỉ mục;
- (7) CBTT7: Thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh - 15 chỉ mục.

Bước 3: Lựa chọn phương pháp đo lường mức độ công bố thông tin

Theo cách tiếp cận không có trọng số, những chỉ mục thông tin được công bố sẽ gán là 1, ngược lại sẽ gán là 0. Mức độ công bố thông tin sẽ được tính theo tỷ lệ của những chỉ mục được công bố trên tổng các chỉ mục quy định, theo công thức sau:

$CBTT = \frac{\text{Số chỉ mục công bố}}{\text{Tổng số chỉ mục quy định}}$

Bước 4: Tiến hành đo lường các chỉ mục công bố thông tin trên BCTC của HTXNN

Trong bước này căn cứ vào hệ thống chỉ mục (thang đo) đã xây dựng, tiến hành thu thập hệ thống BCTC của các HTXNN cần đánh giá, sau đó chấm điểm cho từng chỉ mục trong mỗi BCTC. Sau đó tiến hành tổng hợp điểm từng chỉ số có được điểm tổng quát cho mức độ CBTT của HTX. Từ đó, phân loại được mức độ công bố thông tin thành các nhóm như: Cao, trung bình, thấp. Thấy được trong mỗi nhóm tiêu chí thì thông tin nào được công bố cao nhất, thông tin nào công bố thấp nhất để xem xét các yếu tố cản trở và thúc đẩy mức độ CBTT đồng thời đánh giá hiệu quả của việc CBTT dựa trên việc đáp ứng các chuẩn mực.

4. Đề xuất giải pháp

Thứ nhất: Xây dựng bộ chỉ số CBTT đặc thù cho HTXNN chú trọng vào các yếu tố quan trọng trong lĩnh vực nông nghiệp như tài sản cố định, chi phí sản xuất nông nghiệp, thu nhập từ hoạt động kinh doanh và các khoản nợ. Bộ chỉ số này cần phản ánh đúng bản chất và yêu cầu quản lý của HTXNN.

Thứ hai: Thiết lập tiêu chí đánh giá và thang điểm cho từng chỉ số để đo lường mức độ công bố. Các tiêu chí có thể bao gồm tính đầy đủ, độ rõ ràng và tính kịp thời của thông tin. Thang điểm có thể được chia thành các mức từ “không đầy đủ” đến “đầy đủ hoàn toàn” để đảm bảo tính khách quan và chi tiết.

Thứ ba: Đề xuất phương pháp đánh giá CBTT với sự tham gia của các bên liên quan. Để đảm bảo hệ

thống chỉ mục có tính khả thi và đáp ứng nhu cầu thực tiễn, cần lấy ý kiến từ các bên liên quan như cơ quan quản lý nhà nước, các nhà quản lý HTX và các chuyên gia kế toán. Các ý kiến này sẽ giúp hoàn thiện bộ chỉ số để có thể áp dụng rộng rãi.

Thứ tư: Cơ quan quản lý cần ban hành các quy định và hướng dẫn cụ thể liên quan đến việc công bố thông tin tài chính của HTXNN, đặc biệt là các yêu cầu về minh bạch hóa và tính nhất quán của thông tin. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát định kỳ việc công bố thông tin của các HTX, đồng thời khuyến khích các HTX thực hiện công bố thông tin theo bộ chỉ số CBTT đã thiết lập để tăng cường tính minh bạch.

Thứ năm: Các HTX cần chú trọng đào tạo và nâng cao năng lực của đội ngũ kế toán, nhằm thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu về CBTT. Bên cạnh đó, HTX có thể cân nhắc đầu tư vào hệ thống phần mềm quản lý để tự động hóa và tăng cường tính chính xác của các BCTC. Nâng cao ý thức về minh bạch tài chính, công bố thông tin minh bạch không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là yếu tố tạo niềm tin với các đối tác, người lao động và cộng đồng. Việc tuân thủ các chuẩn mực CBTT sẽ giúp HTX thu hút thêm các nguồn tài trợ, vốn vay và tăng cường hợp tác.

Kết luận: Việc xây dựng hệ thống chỉ mục đo lường mức độ CBTT trên BCTC của các HTX nông nghiệp là một yêu cầu cấp thiết nhằm thúc đẩy sự minh bạch và nâng cao tính hiệu quả trong quản lý tài chính của các HTX, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập sâu rộng. Các chỉ tiêu và tiêu chí đánh giá trong hệ thống chỉ mục đã được thiết kế phù hợp với đặc thù hoạt động của HTXNN, phản ánh rõ tính đặc thù về tài chính, tài sản và khả năng thanh khoản của các đơn vị này. Hệ thống còn là cơ sở để các cơ quan quản lý xây dựng các chính sách hỗ trợ và giám sát hiệu quả, góp phần ổn định và phát triển bền vững cho khu vực kinh tế hợp tác./

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, (2021), Sách trắng HTX Việt Nam, NXB Thống kê, Hà Nội.
 Bộ tài chính, (2002), Chuẩn mực kế toán, ban hành theo quyết định số 162/2002/QĐ-BTC.
 Luật HTX và văn bản hướng dẫn thi hành, (2003), NXB chính trị quốc gia, Hà Nội.
 Quốc hội (2012), Luật HTX số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012.
 Beattie, V., McInnes, W. & Fearnley, S. (2004), A methodology for analysing and evaluating narratives in annual reports: A comprehensive descriptive profile and metrics for disclosure quality attributes, *Accounting Forum*, 28(3), 205-236.
 Cefi AR, (1961), *Corporate Reporting and Investment Decisions*, Berkeley: The University of California Press.
 Cooke, T. E. (1991), An assessment of voluntary disclosure in the annual reports of Japanese Corporations, *The International Journal of Accounting*, 26, 174-189.
 Gibbins, A. Richardson and J. Waterhouse, (1990), the management of corporate financial disclosure - opportunism, ritualism, policies, and processes, *Journal of Accounting Research*, vol. 28, issue 1, 121-143.
 Healy, P. M. & Palepu, K. G. (2001), Information asymmetry, corporate disclosure, and the capital market: A review of the empirical disclosure literature. *Journal of Accounting and Economics*, 31, 405-440.
 Imhoff, E. A. (1992), The relation between perceived accounting quality and economic characteristics of the firm, *Journal of Accounting and Public Policy*, 11, 97-118.
 Krippendorff, K. H. (1980), *Content analysis: An introduction to its methodology*, Newbury Park, CA: Sage Publications.
 Marston, C. L., & Shrivies, P.J. (1991), The use of disclosure indices in accounting research: a review article, *British Accounting Review*, 23 (3) (September), 195-210.
 Singhvi, S. S. & Desai, H. B (1971) An empirical analysis of quality of corporate financial disclosure, *The Accounting Review*, 46, 129-138.